

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

GIÁO TRÌNH MÔ ĐUN
XÁC ĐỊNH KHÁNG SINH THÔNG THƯỜNG

MÃ SỐ: MĐ 03

NGHỀ SỬ DỤNG THUỐC THÚ Y TRONG CHĂN NUÔI

Trình độ: Đào tạo dưới 03 tháng

*(Phê duyệt tại Quyết định số 443/QĐ-SNN-KNKN ngày 17 tháng 10 năm 2016
của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

NĂM 2016

LỜI GIỚI THIỆU

Để phục vụ chương trình đào tạo nghề cho nông dân. Nhằm đạt được mục tiêu đảm bảo chất lượng trong đào tạo nghề, việc phát triển giáo trình phục vụ cho đào tạo nghề là rất quan trọng. Giáo trình “Xác định kháng sinh thông thường” cung cấp cho học viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản thuốc kháng sinh thông thường dùng trong chăn nuôi. Tài liệu có giá trị hướng dẫn học viên học tập và có thể tham khảo để vận dụng trong thực tế sản xuất.

Đây là giáo trình mô đun đào tạo nghề trình độ đào tạo dưới 03 tháng được tổng hợp trên tài liệu chính là mô đun “Xác định kháng sinh thông thường” trình độ sơ cấp nghề¹ được tổ chức biên soạn nhằm góp phần đạt được mục tiêu đào tạo nghề đã đặt ra.

Giáo trình này là quyển 05 trong số 07 môn học và mô đun chuyên môn của chương trình đào tạo nghề “Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi” trình độ đào tạo dưới 03 tháng. Trong mô đun này gồm có 12 bài dạy thuộc thể loại lý thuyết và tích hợp như sau:

- Bài 1. Sử dụng Penicillin
- Bài 2. Sử dụng Streptomycin
- Bài 3. Sử dụng Tiamulin
- Bài 4. Sử dụng Kanamycin
- Bài 5. Sử dụng Lincocin
- Bài 6. Sử dụng Gentamycin
- Bài 7. Sử dụng Ampecillin
- Bài 8. Sử dụng Tylosin
- Bài 9. Sử dụng Enrofloxacin
- Bài 10. Sử dụng Tetracilin
- Bài 11. Sử dụng Oxytetracilin
- Bài 12. Sử dụng Tiamphenicol

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn nhóm biên soạn Giáo trình mô đun “Xác định kháng sinh thông thường” trình độ sơ cấp nghề gồm:

1. Nguyễn Đức Dương - Chủ biên
2. Nguyễn Hữu Nam.
3. Trần Văn Tuấn

¹ Giáo trình được biên soạn kèm theo Quyết định số 1549 /QĐ-BNN-TCCB ngày 18/10/ 2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| LỜI GIỚI THIỆU | 1 |
| Bài 1. Sử dụng Penicillin | 3 |
| Bài 2. Sử dụng Streptomycin | 9 |
| Bài 3. Sử dụng Tiamulin | 12 |
| Bài 4. Sử dụng Kanamycin | 16 |
| Bài 5. Sử dụng Lincocin..... | 19 |
| Bài 6. Sử dụng Gentamycin | 22 |
| Bài 7. Sử dụng Ampicillin..... | 25 |
| Bài 8. Sử dụng Tylosin..... | 28 |
| Bài 9. Sử dụng Enrofloxacin | 31 |
| Bài 10. Sử dụng Tetracyclin..... | 34 |
| Bài 11. Sử dụng Oxytetracyclin | 37 |
| Bài 12. Sử dụng Thiamphenicol..... | 40 |
| Hướng dẫn thực hiện bài thực hành | 43 |
| Yêu cầu về đánh giá kết quả học tập..... | 44 |
| Tài liệu tham khảo..... | 44 |

MÔ ĐUN. XÁC ĐỊNH KHÁNG SINH THÔNG THƯỜNG

Mã mô đun: MĐ 03

Thời gian: 45 giờ

Bài 1. Sử dụng Penicillin

Mã bài: MĐ 03-1

Thời gian: 6 giờ

Gới thiệu

Penicillin là kháng sinh được dùng rộng rãi trong chăn nuôi, để điều trị các bệnh do vi khuẩn gây ra trên cơ thể vật nuôi. Tuy nhiên việc sử dụng Penicillin cần phải tuân thủ nguyên tắc chung để tránh hiện tượng quen thuốc làm giảm hiệu quả điều trị của thuốc và dị ứng, choáng, sốc gây nguy hiểm cho con vật. Vì vậy giới thiệu bài học sử dụng Penicillin trong mô đun xác định thuốc thú y thông thường là cần thiết.

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng penicillin dùng trong chăn nuôi.
- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Penicillin trong chăn nuôi đúng kỹ thuật.
- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Penicillin

1.1. Nhận biết chung

Penicilline là kháng sinh thông dụng được dùng nhiều trong chăn nuôi để điều trị bệnh do vi khuẩn gây ra cho gia súc, gia cầm.

Penicilline có nhiều loại nhưng hiện nay người ta thường dùng hai loại Penicilline G và Penicilline V. Trong đó Penicilline G là thuốc tiêm, Penicilline V là thuốc uống. Penicillin được sản xuất và giới thiệu ở dạng bột, dạng mỡ, dạng viên nén.



Hình 3.1. Penicilline G và Pennicilline V



Hình 3.2. Penicilline dạng viên nén đóng vỉ



Hình 3.3. Penicilline dạng viên nhộng



Hình 3.4 Viên nén Penicilline



Hình 3.5. Bột Penicilline đóng trong lọ



H.3.6. Penicilline dạng bột, màu trắng, mịn

1.2. Nhận biết tính chất

- Thuốc kết tinh dạng bột màu trắng, mịn, toí, dễ hút ẩm khi ra ngoài không khí, tan mạnh trong nước, ít tan trong cồn và các dung môi khác, mùi hắc.

- Penicilline được đóng trong lọ thủy tinh nút kín, dạng bột mịn, toí, màu trắng, không vón cục, không kết dính, tan nhanh trong nước ở dạng dung dịch không màu, trong suốt.

- Trường hợp hở nút, nút lọ hoặc quá hạn sử dụng thuốc vón cục, hút ẩm, kết dính, ngả màu sẽ không sử dụng được.

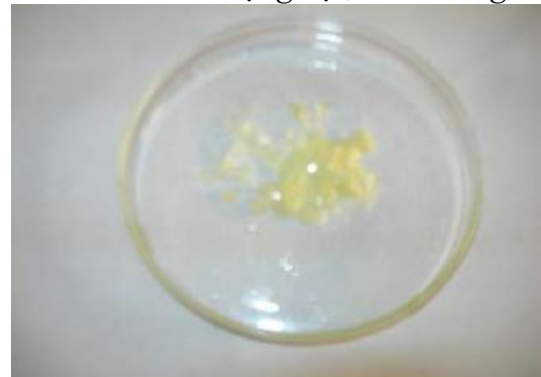
- Penicilline sau khi pha với nước cất thành dạng dung dịch được sử dụng ngay trong ngày, không nên kéo dài thời gian sử dụng sẽ làm giảm hiệu lực điều trị của thuốc. Dấu hiệu nhận biết khi pha thuốc để lâu ở điều kiện phòng, thuốc sẽ chuyển màu, mùi hắc khét.

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc

- Thuốc có tác dụng diệt khuẩn mạnh với vi khuẩn sinh mủ, đóng dấu heo, nhiệt thán, uốn ván, xoắn khuẩn gây bệnh nghé ở gia súc...

- Thuốc an toàn, ít độc đối với vật nuôi kể cả trong trường hợp dùng quá liều. Tuy nhiên thuốc có thể gây ra trạng thái dị ứng, choáng, sốc cho con vật, mà biểu hiện là mẩn đỏ dưới da, hô hấp tăng, loạn nhịp tim, sốc, choáng dẫn đến ngừng tim đột ngột, gây tử vong.

- Thuốc gây đau đớn cục bộ nơi tiêm, vì vậy khi tiêm thuốc cho con vật nên tiêm bắp



H.3.7. Bột Penicilline hút ẩm chuyển màu

sâu, hoặc tiêm tĩnh mạch. Trường hợp đặc biệt có thể kết hợp với thuốc giảm đau Novocain 3% để tiêm cho con vật.



Hình 3.8. Biểu hiện dị ứng thuốc Penicilline ở heo

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi

- Bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn gây ra như: Mun nhọt, bọc mủ, vết thương nhiễm trùng mủ, viêm phổi, viêm phế quản, viêm tử cung, viêm vú, viêm lỗ chân lông, viêm da, bệnh vỡ vai ở trâu, bò cày kéo, bệnh phạm yên ở ngựa, bệnh viêm dịch hoàn, niệu đạo ở gia súc đực giống...

2.2. Đề phòng nhiễm trùng vết thương, vết mổ

- Đưa bột Penicilline vào vết thương, vết mổ trước khi băng, đề phòng nhiễm trùng.
- Tiêm penicilline vào bắp thịt cho con vật sau khi mổ, hoặc sau khi bị tổn thương để đề phòng nhiễm trùng.
- Dùng dung dịch Penicilline để ngâm dụng cụ ngoại khoa, chỉ khâu trước khi phẫu thuật trong trường hợp cấp cứu gia súc.
- Bệnh nhiệt thán.
- Bệnh đóng dấu heo
- Bệnh nghê ở vật nuôi.
- Bệnh ung khí thán
- Phòng bệnh uốn ván khi gia súc bị tổn thương cơ thể.

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

Tiêm Penicillin vào bắp thịt để điều trị bệnh cho vật nuôi được ứng dụng nhiều trong chăn nuôi. Các bước tiến hành như sau:

* Bước 1: Chuẩn bị dụng cụ, thuốc, hóa chất

Dụng cụ dùng để tiêm bắp thịt vật nuôi gồm

- Bơm tiêm bọc sắt loại 20 ml, kim tiêm 14, panh thẳng, kéo cong, đĩa lồng thủy tinh, khay sắt tráng men hoặc inox. Tất cả dụng cụ trên được rửa bằng xà phòng nước sạch. Bơm tiêm, kim tiêm, panh, kéo đưa vào nước đun sôi thời gian 5 – 10 phút để vô trùng.

- Thuốc, hóa chất gồm: penicillin được xác định liều lượng, nước cất 2 lần 10 – 15 ml, cồn iốt 5% hoặc cồn trắng 90⁰, bông thấm nước..

- Tất cả dụng cụ, thuốc hóa chất được đặt trong khay men và dùng vải gạc vô trùng phủ kín.

* Bước 2: Cố định gia súc và xác định vị trí tiêm.

- Trâu, bò, ngựa cho đứng trong giá cố định 4 trụ. Heo, dê, chó, mèo, tùy theo từng trường hợp mà trói buộc đảm bảo an toàn

- Xác định vị trí tiêm

+ Trâu, bò, ngựa: bắp thịt hai bên cổ (trước xương bả vai) bắp hông (vị trí giao điểm 3 đường trung tuyến của tam giác hông).

+ Heo: bắp cổ (sau gốc tai), bắp hông (giao điểm 3 đường trung tuyến của tam giác hông), bắp đùi.

+ Gia cầm: bắp thịt ức (lườn), bắp thịt gốc cánh.

+ Chó, mèo: Bắp cổ, bắp hông, bắp thịt đùi

* Bước 3: Vệ sinh, sát trùng da vùng tiêm trên cơ thể con vật:

- Cắt lông tại vị trí tiêm trên cơ thể con vật, đường kính 5 cm.

- Rửa da vùng tiêm bằng nước sạch, thấm khô bằng vải gạc hoặc khăn bông sạch.

- Dùng bông thấm cồn iốt hoặc cồn 90⁰ đặt lên da vùng tiêm trên cơ thể con vật và di chuyển theo đường tròn đồng tâm từ trong ra ngoài để sát trùng

* Bước 4. Đâm kim vào bắp thịt và bơm thuốc

- Trâu, bò, ngựa thực hiện phương pháp tiêm 2 thì. Dùng ngón tay cái, ngón trỏ và ngón giữa, nắm lấy đốc kim tiêm, sao cho kim tiêm vuông góc với lòng bàn tay, dùng lực của cổ tay vỗ lên da vùng tiêm, kim tiêm sẽ đâm qua da xuống bắp thịt, sau đó lắp bơm tiêm và đẩy thuốc vào bắp thịt. Khi đẩy hết thuốc vào bắp thịt thì dùng bông thấm cồn đặt lên vùng da ở đầu kim tiêm và rút kim ra ngoài.

- Đối với heo và các gia súc khác thực hiện tiêm một thì, lắp kim vào bơm tiêm và đặt kim tiêm chếch với da con vật một góc 45⁰ sau đó ấn mạnh kim tiêm sẽ chọc thủng da xuống bắp thịt sau đó đẩy thuốc.

* Bước 5. Quan sát con vật xem có biểu hiện khác thường không? thời gian 10-15 phút sau khi tiêm

3.2. Tiêm tĩnh mạch

Trong trường hợp gia súc nhiễm trùng nặng sẽ tiêm penicillin vào tĩnh mạch con vật, các bước thực hiện như sau:

* Bước 1: chuẩn bị dụng cụ, thuốc và hóa chất.

- Dụng cụ gồm: Bơm tiêm 20 ml, kim tiêm 14, panh thẳng, kéo cong, đĩa lồng thủy tinh, khay sắt tráng men hoặc inox. Tất cả dụng cụ trên được rửa bằng xà phòng nước sạch. Bơm tiêm, kim tiêm, panh, kéo đưa vào nước đun sôi thời gian 5 – 10 phút để vô trùng.

- Thuốc, hóa chất gồm: penicillin liều lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất, nước cất 2 lần 10 – 15 ml, cồn iốt 5% hoặc cồn trắng 90⁰, bông thấm nước..

- Tất cả dụng cụ, thuốc hóa chất được đặt trong khay men và dùng vải gạc vô trùng chum kín.

* Bước 2: Cố định gia súc và xác định vị trí tiêm.

- Cố định gia súc:

+ Trâu, bò, ngựa cho đứng trong giá cố định 4 trụ.

+ Heo, dê, chó, mèo, tùy từng trường hợp mà trói buộc đảm bảo an toàn

-Xác định vị trí tiêm

Trâu, bò, ngựa, dê, cừu tiêm tĩnh mạch cổ bên trái hoặc bên phải, tại vị trí 1/3 phía trên của cổ tính từ phía đầu con vật. Heo, chó mèo ít tiêm tĩnh mạch.

* Bước 3: Vệ sinh, sát trùng da vùng tiêm trên cơ thể con vật:

- Dùng kéo cong cắt lông đường kính 5 cm tại vị trí tiêm trên cơ thể vật nuôi.

- Rửa da vùng tiêm bằng nước sạch, thấm khô bằng vải gạc hoặc khăn bông sạch.

- Dùng bông thấm cồn iốt 5% hoặc cồn 90⁰ đặt lên da vùng tiêm trên cơ thể con vật và di chuyển theo vòng tròn đồng tâm từ trong ra ngoài để sát trùng.

* Bước 4. Đâm kim vào tĩnh mạch và bơm thuốc

- Trâu, bò, ngựa thực hiện phương pháp tiêm 2 thì. Dùng ngón tay cái, ngón trỏ và ngón giữa, nắm lấy đốc kim tiêm, sao cho kim tiêm vuông góc với lòng bàn tay, dùng lực của cổ tay vỗ lên da vùng tĩnh mạch cổ, kim tiêm sẽ xuyên qua da xuống tĩnh mạch. Nếu trúng tĩnh mạch có máu chảy ra ở đốc kim. Nếu không trúng tĩnh mạch thì nắm lấy đốc kim điều chỉnh cho kim vào tĩnh mạch. sau đó lắp bơm tiêm và đẩy thuốc từ từ vào tĩnh mạch. Khi đẩy hết thuốc vào tĩnh mạch, dùng bông thấm cồn đặt lên vùng da ở đầu kim tiêm ấn nhẹ và rút kim ra ngoài.

- Dê, cừu và gia súc nhỏ tiêm 1 thì. Lắp kim tiêm vào bơm tiêm và đặt kim tiêm chéch với da con vật một góc 45⁰ sau đó ấn mạnh, kim sẽ chọc thủng da xuống tĩnh mạch, rút pít tông bơm tiêm lại phía sau, nếu có máu chảy ra ở đốc kim thì đẩy thuốc từ từ vào tĩnh mạch.

* Bước 5. Quan sát con vật xem có biểu hiện khác thường không? thời gian 10-15 phút sau khi tiêm. Nếu con vật thở nhanh, nhịp tim nhanh, loạn nhịp, da mẩn đỏ thì báo cho thú y sỹ xử lý kịp thời.

3.3. Cho ăn, uống: Đối với Penicilline V có thể trộn thuốc vào thức ăn, nước uống cho con vật ăn hoặc uống tự do, hoặc thông qua chai cao su, bơm tiêm cho con vật uống bắt buộc.

3.4. Phóng bế vùng bệnh trên cơ thể gia súc: Dùng 1 triệu đơn vị Penicilline + 20 ml Novocaine 3 % tiêm xung quanh tổ chức bị bệnh trên cơ thể gia súc như; ổ viêm, mụn nhọt, áp xe, vết thương ngoại khoa nhiễm trùng, viêm vú ... vừa có tác dụng diệt khuẩn vừa có tác dụng giảm đau sẽ tăng hiệu quả của thuốc.

4.5. Thụt thuốc vào cơ quan bị bệnh trên cơ thể gia súc: Pha thuốc penicilline vào nước cất theo tỷ lệ 1 triệu đơn vị 10 ml, thụt vào cơ quan bị bệnh thông qua dụng cụ thú y, như tử cung, bầu vú gia súc để điều trị bệnh viêm tử cung và viêm vú ở gia súc cái sinh sản. Ngoài ra người ta còn dùng mỡ Penicilline để bôi vào vết loét trên da, niêm mạc gia súc.

4. Bảo quản thuốc

4.1. Xác định điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2.Thực hiện việc bảo quản

- Kiểm tra lọ đựng thuốc, vỉ viên nén để phát hiện dập, vỡ, rách ảnh hưởng tới thuốc.

- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.

- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh, không để thuốc chung với hóa chất độc hại.

- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót.

- Đối với thuốc đã pha cần bảo quản trong điều kiện lạnh dưới 10⁰C để dùng trở lại, nhưng không quá 2 ngày.

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Penicillin và ứng dụng trong chăn nuôi.

- Nguồn lực: Penicillin và các chế phẩm của thuốc.

- Cách thức tổ chức: học viên quan sát Penicillin và các dạng chế phẩm của thuốc đang được dùng trong chăn nuôi.

- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Nhận biết đúng tên, tính chất và ứng dụng của penicillin trong chăn nuôi.

Bài tập 2. Thực hành tiêm penicillin vào bắp thịt trâu, bò, heo, gia cầm..

- Nguồn lực: động vật thí nghiệm, Penicillin, dụng cụ thú y, bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, khẩu trang, ủng, găng tay su...).

- Cách thức tổ chức: chia lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 5 học viên/nhóm), mỗi nhóm nhận nhiệm vụ thực hành tiêm penicillin vào bắp thịt ở các vị trí cho các đối tượng khác nhau.

- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Chuẩn bị được dụng cụ, thuốc, hóa chất cần thiết, thực hiện được các bước tiêm thuốc vào bắp thịt con vật đúng kỹ thuật, đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và vệ sinh môi trường.

Bài tập 3. Thực hành tiêm penicillin vào tĩnh mạch trâu, bò, dê.

- Nguồn lực: động vật thí nghiệm, Penicillin, dụng cụ thú y, bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, khẩu trang, ủng, găng tay su...).

- Cách thức tổ chức: chia lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 5 học viên/nhóm), mỗi nhóm thực hiện tiêm penicillin vào tĩnh mạch cho một đối tượng khác nhau.

- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Chuẩn bị được dụng cụ, thuốc, hóa chất cần thiết, thực hiện được các bước tiêm thuốc vào tĩnh mạch con vật đúng kỹ thuật, đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và vệ sinh môi trường.

C. Ghi nhớ

- Nhận biết tính chất, tác dụng, ứng dụng và sử dụng Penicillin.

- Thuốc pha xong phải dùng ngay trong ngày, không nên kéo dài thời gian sử dụng.

- Khi thuốc đã chuyển màu không nên sử dụng.

- Thử phản ứng dị ứng trước khi tiêm thuốc.

Bài 2.

Sử dụng Streptomycin

Mã bài: MĐ 03-2

Thời gian: 6 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Streptomycine dùng trong chăn nuôi.
- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Streptomycine trong chăn nuôi đúng kỹ thuật.
- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Streptomycine

1.1. Nhận biết chung

Streptomycine là kháng sinh thông dụng được dùng nhiều trong chăn nuôi để điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm. Streptomycine có nguồn gốc từ nấm. Thuốc có tác dụng diệt khuẩn hẹp, chỉ tác dụng với vi khuẩn gây bệnh tụ huyết trùng, vi khuẩn đường hô hấp, đường ruột, sảy thai truyền nhiễm và bệnh do xạ khuẩn gây ra.

1.2. Nhận biết tính chất

- Streptomycine ở dạng bột màu trắng, mịn, tơi, dễ hút ẩm khi ra ngoài không khí, tan chậm trong nước, ít tan trong cồn và các dung môi khác, mùi hắc.
- Thuốc được sản xuất đóng trong lọ thủy tinh nút kín, dạng bột mịn, tơi, màu trắng, không vón cục, không kết dính, tan trong nước. Trong trường hợp hờ nút, rạn nút lọ hoặc quá hạn sử dụng thuốc vón cục, hút ẩm, kết dính, chuyển màu sẽ không sử dụng được.



Hình 3.9. Bột streptomycine



Hình 3.10 Streptomycine dạng viên nén



H.3.11. Streptomycine dạng bột đóng trong lọ thủy tinh



H.3.12. Streptomycine dạng bột đóng trong túi giấy bạc

- Streptomycine sau khi pha với nước cất thành dạng dung dịch trong suốt, không màu, mùi hắc, được sử dụng ngay trong ngày, không nên kéo dài thời gian sử dụng sẽ làm giảm hiệu lực điều trị của thuốc. Dấu hiệu nhận biết thuốc chuyển màu, mùi khét

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc

- Thuốc có tác dụng diệt khuẩn mạnh với vi khuẩn gây bệnh tụ huyết trùng, nhóm vi khuẩn đường ruột, vi khuẩn gây bệnh đường hô hấp, vi khuẩn gây bệnh sảy thai truyền nhiễm...

- Thuốc an toàn đối với vật nuôi kể cả trong trường hợp dùng quá liều. Tuy nhiên thuốc gây độc cấp tính ở chó, mèo mà biểu hiện lâm sàng là nôn mửa, tiêu chảy đi không vững. Nếu dùng liều cao, thời gian dài sẽ gây độc mãn tính gây tổn thương thận, rối loạn tiền đình và điếc đối với người.

- Thuốc ít gây đau đớn nơi tiêm, hấp thu nhanh, có thể kết hợp với các kháng sinh khác để nâng cao hiệu lực của thuốc.

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi

- Điều trị các bệnh do vi khuẩn gây ra như: viêm phổi, viêm phế quản, viêm tử cung, viêm vú....

- Điều trị các bệnh truyền nhiễm:

- + Bệnh tụ huyết trùng;
- + Bệnh tiêu chảy do vi khuẩn đường ruột;
- + Bệnh lao;
- + Bệnh sảy thai truyền nhiễm.

2.2. Đề phòng nhiễm trùng vết thương, vết mổ

- Dùng bột Streptomycine đưa vào vết thương, vết mổ trên cơ thể gia súc để đề phòng nhiễm trùng.

- Tiêm Streptomycine cộng với Penicilline vào bắp thịt cho con vật sau khi mổ, hoặc bị tổn thương để đề phòng nhiễm trùng

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt



H.3.13. Dung dịch streptomycine

- Trâu, bò, ngựa, dê, cừu tiêm bắp cổ, mông.
- Heo tiêm bắp cổ, mông, đùi chân sau.
- Gia cầm tiêm bắp lườn, gốc cánh, đùi
- Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của cơ sở sản xuất
- Chó, mèo tiêm bắp cổ, mông, đùi liều lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất

3.2. Tiêm tĩnh mạch

Trâu, bò, ngựa, dê, cừu; tiêm tĩnh mạch cổ. Nên pha thuốc trong dung dịch đường glucoza 20% hoặc dung dịch mận ngọt 10 % có bổ xung Cafein để đề phòng choáng, sốc. Cách pha như sau:

* Bước 1: Dùng bơm tiêm bơm 10 ml nước cất vào lọ đựng Streptomycin, lắc nhẹ cho tan thuốc.

* Bước 2: Dùng bơm tiêm hút hết lượng Streptomycin đã pha, bơm vào chai truyền chứa dung dịch đường Glucoza 20%, lắc nhẹ.

* Bước 3: Bơm vào chai truyền 10 ml dung dịch Cafein 5%, lắc nhẹ, sau đó tiêm tĩnh mạch cho con vật

3.3. Thụt thuốc vào cơ quan bị bệnh trên cơ thể gia súc

Trong điều trị bệnh viêm tử cung gia súc, viêm vú ở trâu, bò, dê có thể dùng Streptomycin cộng với penicillin liều như nhau, thụt vào tử cung, vú con vật.

Các bước tiến hành như sau:

* Bước 1: chuẩn bị dụng cụ , thuốc thú y

- Dụng cụ gồm: Bơm tiêm, kim tiêm, ống dẫn, kim thông vú, panh, kẹp ...dụng cụ được rửa sạch, đưa vào nước đun sôi 10-15 phút để vô trùng

- Thuốc Streptomycin, penicillin liều như nhau 3 lọ/ lần đối với thụt tử cung gia súc, 1 lọ/ lần đối với thụt bầu vú gia súc, nước cất tiêm 20ml. Bơm nước cất vào các lọ thuốc, lắc cho tan.

* Bước 2: Cố định gia súc

Trâu, bò, ngựa cho đứng trong giá cố định 4 trụ hoặc trói buộc đầu con vật vào cây tự nhiên. Heo, dê, chó, mèo, tùy từng trường hợp mà trói buộc đảm bảo an toàn.

* Bước 3: Vệ sinh, sát trùng.

- Rửa âm hộ, bầu vú và phía sau cơ thể con vật bằng xà phòng, bàn chải, nước sạch.

- Thấm khô bằng vải gạc hoặc khăn bông đã giặt sạch

- Dùng bông thấm cồn iốt hoặc cồn trắng bôi lên da vùng âm hộ, bầu vú bị bệnh

* Bước 4: Đưa thuốc vào cơ quan bị bệnh.

- Đưa từ từ ống dẫn (sử dụng dẫn tinh quản) qua đường sinh dục vào tử cung con vật, lắp bơm tiêm vào ống dẫn và đẩy thuốc.

- Đưa kim thông vú qua ống dẫn sữa vào bầu vú sau đó lắp bơm tiêm và đẩy thuốc.



H.3.14. Thuốc thụt rửa tử cung

4. Bảo quản thuốc

4.1. Xác định điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản

- Kiểm tra lọ đựng thuốc để phát hiện dập, vỡ, hờ nút ảnh hưởng tới thuốc.
- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.
- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh.
- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Streptomycin và ứng dụng trong chăn nuôi.

- Nguồn lực: Streptomycin và các biệt dược của thuốc.
- Cách thức tổ chức: học viên quan sát streptomycin và biệt dược của thuốc đang được dùng trong chăn nuôi ở nước ta.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: nhận biết được tên, tính chất và ứng dụng của Streptomycin trong chăn nuôi theo chỉ tiêu kỹ thuật.

Bài tập 2. Thực hành thụt thuốc Streptomycin vào tử cung, bầu vú gia súc.

- Nguồn lực: động vật thí nghiệm, Streptomycin, nước cất, cồn sát trùng, bông thấm nước, dụng cụ thú y, bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, khẩu trang, ủng, găng tay su...).
- Cách thức tổ chức: chia lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 5 học viên/nhóm), mỗi nhóm thực hành thụt streptomycin vào tử cung, bầu vú cho con vật.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Chuẩn bị được dụng cụ, thuốc, hóa chất cần thiết, thực hiện được các bước thụt thuốc vào tử cung, bầu vú con vật đúng kỹ thuật, đảm bảo an toàn.

Bài tập 3. Thực hành pha thuốc Streptomycin vào dịch truyền Glucoza 20% và tiêm tĩnh mạch cho dê .

- Nguồn lực: động vật thí nghiệm, Streptomycin, cồn sát trùng, bông thấm nước dụng cụ thú y, bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, khẩu trang, ủng, găng tay su...).
- Cách thức tổ chức: chia lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 5 học viên/nhóm), mỗi nhóm nhận nhiệm vụ thực hiện pha thuốc Streptomycin vào dịch truyền Glucoza 20% và tiêm tĩnh mạch cho dê .
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Chuẩn bị được dụng cụ, thuốc, hóa chất cần thiết, thực hiện được các bước pha Streptomycin vào dịch truyền Glucoza 20% và tiêm tĩnh mạch cho dê .

C. Ghi nhớ

- Nhận biết tính chất, tác dụng, ứng dụng và sử dụng Streptomycin.
- Thuốc pha xong phải dùng ngay trong ngày, không nên kéo dài thời gian sử dụng.
- Khi thuốc đã chuyển màu không nên sử dụng.

Bài 3.

Sử dụng Tiamulin

Mã bài: MĐ 03-3

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Tiamulin dùng trong chăn nuôi.
- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Tiamulin trong chăn nuôi đúng kỹ thuật.
- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Tiamulin

1.1. Nhận biết chung

- Tiamulin là kháng sinh có tác dụng diệt khuẩn rộng. Thuốc có tác dụng với hầu hết các loại vi khuẩn gây bệnh, nấm, đặc biệt là bệnh hen suyễn ở heo, gia cầm và bệnh hồng lỵ ở heo.

- Tiamulin được sản xuất và trình bày ở dạng bột và dung dịch tiêm

1.2. Nhận biết tính chất

- Tiamulin là chất kết tinh dạng bột màu trắng ngà, mịn, toi, dễ hút ẩm khi ra ngoài không khí, tan trong nước, trong cồn, mùi hắc.

- Tiamulin dạng bột Premix chứa 20% và 45% được đóng trong lọ là chất bột mịn, toi, màu trắng ngà, không vón cục, không kết dính, tan trong nước. Trong trường hợp hở bao bì hoặc quá hạn sử dụng thuốc vón cục, hút ẩm, kết dính, ngả màu sẽ không sử dụng được.

- Tiamulin ở dạng dung dịch tiêm chứa 10% đóng trong chai 10 – 50ml, trong suốt không màu, không chịu nhiệt, thuốc chuyển màu không sử dụng được.



Hình 3.15. Bột Tiamulin



Hình 3.16. Tiamulin dạng bột đóng trong túi giấy bạc 25 gram



Hình 3.17. Tiamulin dạng tiêm

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc

- Tiamulin là kháng sinh có tác dụng diệt khuẩn rộng, tác dụng với hầu hết các loại vi khuẩn, nấm gây bệnh ở đường tiêu hóa, hô hấp gia súc, gia cầm. Thuốc đặc trị bệnh hen suyễn ở heo, gia cầm và xoắn khuẩn gây bệnh hồng lỵ trên heo.

- Thuốc an toàn, không gây độc kể cả trong trường hợp dùng liều gấp 3 – 5 lần so với liều điều trị. Tuy nhiên thuốc có thể gây ra trạng thái dị ứng, choáng, sốc cho con vật.

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi

Điều trị các bệnh: mụn nhọt, bọc mủ, nhiễm trùng mủ vết thương, viêm tử cung, viêm vú ở gia súc, viêm cơ, viêm da, bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm ở gia cầm (CRD), bệnh suyễn heo, bệnh do bào tử nấm gây ra ở đường tiêu hóa, hô hấp, bệnh hồng lỵ ở heo. Một số bệnh truyền nhiễm như bệnh Tụ huyết trùng, Thương hàn, bệnh sung phù đầu ở heo con.

2.2. Đề phòng nhiễm trùng vết thương, vết mổ

- Đưa bột Tiamulin vào vết thương, vết mổ để đề phòng nhiễm trùng
- Tiêm Tiamulin vào bắp thịt cho con vật sau khi mổ, hoặc tổn thương để phòng nhiễm trùng vết thương.

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

- Trâu, bò, ngựa tiêm bắp thịt cổ, mông. Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.

- Heo: tiêm bắp thịt cổ, mông, bắp thịt đùi hai chân sau. Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.

- Gia cầm tiêm bắp thịt lườn, gốc cánh, đùi. Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.

3.2. Tiêm tĩnh mạch

- Trâu, bò, ngựa, dê, cừu tiêm tĩnh mạch cổ, nên pha thuốc trong dung dịch truyền glucoza 20% hoặc dung dịch mặn ngọt, bổ xung Cafein để đề phòng choáng, sốc, ngừng tim đột ngột.

- Heo tiêm tĩnh mạch rìa tai, chó mèo tiêm tĩnh mạch đùi.

3.3. Cho ăn, uống

- Đối với gia cầm nên trộn thuốc ở dạng Premix vào thức ăn, cho ăn tự do để phòng bệnh CRD, liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.

- Các bước tiến hành như sau:

* Bước 1: Xác định liều lượng thuốc

Dựa vào liều lượng thuốc được nhà sản xuất ghi trên nhãn thuốc và số lượng gia cầm, để xác định lượng thuốc cần dùng.

* Bước 2: Chuẩn bị thuốc và thức ăn cho đàn gia cầm.

- Dùng cân tiểu ly, cân thuốc theo số lượng đã được xác định

- Chuẩn bị lượng thức ăn cho đàn gia cầm theo khẩu phần ăn.

* Bước 3: Trộn thuốc vào thức ăn:

- Chuẩn bị 0,5 – 1 kg thức ăn hỗn hợp cho vào khay men hoặc thúng, mẹt.

- Rắc lượng nhỏ thuốc lên thức ăn trong khay và dùng tay trộn đều cho đến khi hết lượng thuốc

- Dùng một phần ba lượng thức ăn theo khẩu phần đựng trong thúng, mẹt, sau đó rắc một lượng nhỏ thức ăn đã trộn thuốc (như trình bày ở trên) vào thức ăn đựng trong thúng và dùng tay đảo đều cho đến khi hết lượng thức ăn đã trộn thuốc, mục đích trộn đều thuốc trong thức ăn.

* Bước 4: cho gia cầm ăn

- Cho gia cầm ăn vào buổi sáng và chọn thời điểm con vật đói nhất.

- Không bổ xung bất cứ một loại thức ăn nào khác trong thời gian cho ăn thuốc.

- Pha Tiamulin vào nước cho gia súc, gia cầm uống tự do. Tỷ lệ pha theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.

4. Bảo quản

4.1. Xác định điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản

- Kiểm tra lọ đựng thuốc, vỉ viên nén để phát hiện dập, vỡ, rách ảnh hưởng tới thuốc.

- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.

- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh, không để thuốc chung với hóa chất độc hại.

- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Tiamulin.

- Nguồn lực: Tiamulin và các chế phẩm của thuốc

- Cách thức tổ chức: học viên quan sát Tiamulin và các chế phẩm của thuốc đang được dùng trong chăn nuôi ở nước ta.

- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: học viên điền đúng tên, tính chất và ứng dụng của Tiamulin trong chăn nuôi.

Bài tập 2. Thực hành cho gia cầm uống thuốc thông qua thức ăn .

- Nguồn lực: Chế phẩm Premix Tiamulin, thức ăn hỗn hợp gia cầm, dụng cụ chăn nuôi, bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, khẩu trang, ủng, găng tay cao su...).

- Cách thức tổ chức: chia lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 5 học viên/nhóm), mỗi nhóm thực hiện việc trộn thuốc vào thức ăn cho gia cầm.

- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Chuẩn bị được dụng cụ, thuốc, hóa chất cần thiết, thực hiện được các bước trộn thuốc vào thức ăn cho gia cầm đúng kỹ thuật.

Bài tập 3. Thực hành bảo quản thuốc Tiamulin

- Nguồn lực: Tiamulin, dụng cụ bảo quản, bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, khẩu trang, ủng, găng tay cao su...).

- Cách thức tổ chức: chia lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 5 học viên/nhóm), mỗi nhóm thực hiện việc xác định điều kiện bảo quản và thực hiện các bước bảo quản thuốc .

- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: xác định được điều kiện bảo quản và thực hiện được các bước bảo quản thuốc

C. Ghi nhớ

- Nhận biết tính chất, tác dụng, ứng dụng và sử dụng Tiamulin.

- Khi thuốc đã chuyển màu không nên sử dụng

Bài 4.

Sử dụng Kanamycin

Mã bài: MĐ 03-4

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Kanamycin dùng trong chăn nuôi.

- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Kanamycin trong chăn nuôi đúng kỹ thuật

- Đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Kanamycin

1.1. Nhận biết chung

- Kanamycin là kháng sinh có tác dụng diệt khuẩn rộng. Thuốc kìm hãm và ức chế quá trình sinh trưởng của nhiều loại vi khuẩn gây bệnh như: tụ huyết trùng, vi khuẩn gây bệnh đường hô hấp, đường ruột, bệnh sảy thai truyền nhiễm, và nhóm vi khuẩn sinh mủ.

- Kanamycin được sản xuất ở dạng bột, dung dịch tiêm và các chế phẩm Pen – Kana, Kanatialin, Kanavet...

1.2. Nhận biết tính chất

- Kanamycin kết tinh ở dạng bột màu trắng, mịn, tơi, dễ hút ẩm khi ra ngoài không khí, tan trong nước, thuốc không bị phá hủy trong môi trường axit, chịu được nhiệt độ cao.

- Kanamycin ở dạng dịch tiêm 10% là dung dịch trong suốt, không màu, mùi hắc.

- Kanamycin sau khi pha với nước cất thành dung dịch tiêm có thể sử dụng trong 1- 2 ngày ở điều kiện phòng mà không ảnh hưởng tới hiệu lực của thuốc.

1.3. Nhận biết tác dụng

- Kanamycin có tác dụng diệt khuẩn rộng, ức chế sự sinh trưởng của nhiều loại vi khuẩn gây bệnh như: vi khuẩn tụ huyết trùng, nhóm vi khuẩn đường ruột, đường hô hấp, lao, suyễn heo, sảy thai truyền nhiễm...

- Thuốc an toàn đối với vật nuôi kể cả trong trường hợp dùng quá liều. Tuy nhiên thuốc có thể gây độc cấp tính ở chó, mèo mà biểu hiện lâm sàng là nôn mửa, siêu vẹo đi không vững. Nếu dùng liều cao, thời gian dài sẽ gây độc mãn tính gây tổn thương thận, đặc biệt đối với người.

- Thuốc ít gây đau đớn cục bộ tổ chức nơi tiêm, hấp thu nhanh, dễ sử dụng.

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi

- Điều trị bệnh viêm phổi, viêm phế quản, viêm tử cung, viêm vú, bệnh nhiễm trùng máu.

- Điều trị bệnh truyền nhiễm sau:

+ Bệnh tụ huyết trùng;

+ Bệnh tiêu chảy;

+ Bệnh lao;

+ Bệnh sảy thai truyền nhiễm;

+ Bệnh sưng phù mắt ở heo con;

+ Bệnh suyễn heo;

+ Bệnh CRD ở gia cầm.

2.2. Đề phòng nhiễm trùng vết thương, vết mổ

- Dùng bột Kanamycin đưa vào vết thương, vết mổ trước khi khâu, để đề phòng nhiễm trùng.

- Tiêm Kanamycin và Penicilline vào bắp thịt cho con vật, sau khi mổ, hoặc sau tổn thương để đề phòng nhiễm trùng.

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

- Trâu, bò, ngựa tiêm bắp cổ, mông.
- Heo tiêm bắp cổ, mông, đùi.
- Gia cầm tiêm bắp thịt ức (lườn), gốc cánh, đùi.
- Chó, mèo tiêm bắp thịt cổ, mông, đùi.
- Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì thuốc.



Hình 3.18. Bột Kanamycin đóng trong lọ



Hình 3.19. Dung dịch Kanamycin 20%



Hình 3.20. Chế phẩm của Kanamycin



3.2. Tiêm tĩnh mạch: Trâu, bò, ngựa, dê, cừu: tiêm tĩnh mạch cổ, nên pha thuốc trong dung dịch truyền glucoza 20% hoặc dung dịch mặn ngọt 10% và bổ xung Cafein để tiêm tĩnh mạch cho con vật để phòng ngừng tim đột ngột.

3.3. Thụt thuốc vào cơ quan bị bệnh trên cơ thể gia súc: Pha thuốc Kanamycin trong nước cất theo tỷ lệ 1 triệu đơn vị 20 ml, thụt vào cơ quan bị bệnh trên cơ thể gia súc.

4. Bảo quản

4.1. Xác định điều kiện bảo quản: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản

- Kiểm tra lọ đựng thuốc, vỉ viên nén để phát hiện dập, vỡ, rách ảnh hưởng tới thuốc.
- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.
- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh, không để thuốc chung với hóa chất độc hại.
- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Kanamycin.

- Nguồn lực: Kanamycin và các chế phẩm của thuốc.
- Cách thức tổ chức: học viên quan sát thuốc Kanamycin và các chế phẩm của thuốc đang được dùng trong chăn nuôi ở nước ta.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Nhận biết được tên, tính chất và ứng dụng của Kanamycin trong chăn nuôi theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Bài tập 2. Xác định các vị trí tiêm bắp thịt, tiêm tĩnh mạch trên cơ thể vật nuôi khi sử dụng Kanamycin.

- Nguồn lực: động vật các loại: trâu, bò, dê, heo gà, chó mèo, bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, khẩu trang, ủng, găng tay cao su...).
- Cách thức tổ chức: chia lớp thành các nhóm nhỏ (3 – 5 học viên/nhóm), mỗi nhóm thực hiện xác định vị trí tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch trên các đối tượng vật nuôi khác nhau.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: xác định đúng vị trí tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch trên trâu, bò, dê, heo, gà và chó mèo.

C. Ghi chú

- Nhận biết tính chất, ứng dụng và sử dụng Kanamycin.
- Sau khi pha thuốc có thể sử dụng được 1-2 ngày.

Bài 5.

Sử dụng Lincocin

Mã bài: MĐ 03-5

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Lincocin dùng trong chăn nuôi.
- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Lincocin trong chăn nuôi đúng kỹ thuật.
- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Lincocin

1.1. Nhận biết chung

- Lincocin tên khác lincomycin có tác dụng diệt khuẩn rộng. Thuốc có tác dụng diệt khuẩn với các loại vi khuẩn gây bệnh như: vi khuẩn đóng dấu heo, uốn ván, nhiệt thán, suyễn heo, vi khuẩn đường hô hấp, bệnh CRD ở gia cầm, tụ huyết trùng, vi khuẩn đường ruột.

- Lincocin được sản xuất và trình bày dưới 3 dạng:

- + Dạng bột đóng trong lọ, lượng 1 triệu đơn vị hoặc 500.000 đơn vị;
- + Dạng viên nhộng, được ép vì giấy bạc, nilon;
- + Dạng dịch tiêm đóng trong lọ, lượng 10 – 100ml.

1.2. Nhận biết tính chất

- Lincocin là chất dạng bột màu trắng, mịn, tơi, dễ hút ẩm khi ra ngoài không khí, dễ tan trong nước, trong cồn.

- Lincocin ở dạng dịch tiêm đóng trong lọ 10 – 50ml, không màu, trong suốt, không chịu nhiệt. Nếu quá hạn hoặc rạn nứt chai, lọ đựng, dung dịch chuyển màu không sử dụng được.

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc



H.3.21. Lincocin dạng bột đóng trong lọ



H.3.22. Viên nhộng Lincocin



H.3.24. Bột Lincocin



H.3.25. Viên nhộng Lincocin



Hình 3.26 Lincocin dung dịch tiêm 10%

- Thuốc có tác dụng diệt khuẩn với hầu hết các loại vi khuẩn gây bệnh như: vi khuẩn sinh mủ, vi khuẩn uốn ván, đốm dấu heo, nhiệt thán, hen suyễn ở heo, gia cầm.

- Thuốc có độ an toàn cao đối với động vật kể cả trong trường hợp dùng liều gấp đôi so với liều điều trị. Tuy nhiên thuốc có thể gây ra trạng thái dị ứng, chóng mặt, sốc khi đưa thuốc vào cơ thể gia súc.

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi

Lincocin được dùng để điều trị các bệnh: mụn nhọt, bọ mủ, nhiễm trùng mủ vết thương, viêm tử cung, viêm vú ở gia súc, viêm cơ, viêm da, bệnh nhiệt thán, đóng dấu heo, uốn ván, viêm thanh khí quản truyền nhiễm ở gia cầm (CRD), và bệnh suyễn heo.

2.2. Đề phòng nhiễm trùng vết thương, vết mổ

- Dùng bột Lincocin đưa vào vết thương, vết mổ trước khi băng đề phòng nhiễm trùng.
- Tiêm Lincocin cho con vật sau khi mổ, hoặc tổn thương để đề phòng nhiễm trùng .

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

- Trâu, bò, ngựa tiêm bắp cổ, mông
- Heo: tiêm bắp cổ, mông, đùi.
- Gia cầm tiêm bắp thịt ức (lườn), gốc cánh.
- Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của nhà sản xuất được ghi trên bao bì.

3.2. Tiêm tĩnh mạch

- Trâu, bò, ngựa, dê, cừu tiêm tĩnh mạch cổ liều lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất, nên pha thuốc trong dung dịch đường glucoza 20% hoặc dung dịch mặn ngọt 10 % có bổ xung Cafein để tiêm tĩnh mạch cho con, đề phòng ngừng tim đột ngột.
- Heo tiêm tĩnh mạch rìa tai, chó mèo tiêm tĩnh mạch đùi.

3.3. Cho ăn, uống

- Đối với gia cầm nên trộn thuốc vào thức ăn, cho ăn tự do để phòng bệnh CRD. Liều lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.
- Ở dạng viên nhộng cho con vật uống trực tiếp.

4. Bảo quản

4.1. Xác định điều kiện bảo quản thuốc: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản thuốc

- Kiểm tra lọ đựng thuốc, vỉ viên nén để phát hiện dập, vỡ, rách ảnh hưởng tới thuốc.
- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.
- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh.
- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Lincocin.

- Nguồn lực: Lincocin và các chế phẩm của thuốc.
- Cách thức tổ chức: học viên quan sát, nhận biết tính chất, tác dụng của Lincocin và các chế phẩm của thuốc.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: nhận biết được tên, tính chất và tác dụng của thuốc Lincocin theo yêu cầu kỹ thuật.

Bài tập 2. Nhận biết ứng dụng thuốc Lincocin trong chăn nuôi .

- Nguồn lực: bảng câu hỏi về ứng dụng của thuốc Lincocin

- Cách thức tổ chức: phát cho mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Ứng dụng được thuốc lincocin trong chăn nuôi theo yêu cầu kỹ thuật.

Bài tập 3: Sử dụng thuốc Lincocin trong chăn nuôi .

- Nguồn lực: Bảng câu hỏi về sử dụng thuốc Lincocin
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Trả lời đúng đáp án về nội dung sử dụng thuốc lincocin trong chăn nuôi.

C. Ghi chú

- Nhận biết tính chất, ứng dụng và sử dụng lincocin.
- Sau khi pha thuốc có thể bảo quản trong điều kiện lạnh dưới 10⁰C để dùng trở lại nhưng không quá 2 ngày.

Bài 6.

Sử dụng Gentamycin

Mã bài: MD 03-6

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Gentamycin trong chăn nuôi.
- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Gentamycin trong chăn nuôi đúng kỹ thuật
- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Gentamycin

1.1. Nhận biết chung

- Gentamycin là kháng sinh có tác dụng diệt khuẩn rộng, kìm hãm và ức chế sinh trưởng của nhiều loại vi khuẩn gây bệnh như: tụ huyết trùng, sảy thai truyền nhiễm, vi khuẩn đường ruột, đường hô hấp, viêm vú, viêm tử cung ở gia súc.
- Gentamicin được sản xuất ở dạng bột và dạng dung dịch tiêm, dạng mỡ.

1.2. Nhận biết tính chất

- Gentamycin là chất dạng bột màu trắng, mịn, tơi, dễ hút ẩm khi ra ngoài không khí, tan trong nước, thuốc không bị phá hủy trong môi trường axit, chịu được nhiệt độ cao.
- Gentamycin ở dạng dịch tiêm, đóng trong lọ thủy tinh, lượng 10 – 100ml là dung dịch trong suốt, không màu.

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc

- Gentamycin có tác dụng diệt khuẩn rộng, diệt được nhiều vi khuẩn gây bệnh như: tụ huyết trùng, nhóm vi khuẩn đường ruột, đường hô hấp, vi khuẩn lao, suyễn heo, sảy thai truyền nhiễm...



H.3.27. Gentamycin dạng bột



H.3.29. Bột Gentamycin



H.3.28. Dung dịch tiêm Gentamycin 4%



H.3.30. Gentamycin dạng dịch tiêm đóng trong chai lọ màu



Hình 3.31. Gentamycin dạng dịch tiêm đóng trong lọ thủy tinh màu



H.3.32. Gentamycin dạng dịch nhỏ mắt



H.3.33. Gentamycin dạng thuốc mỡ

- Thuốc có độ an toàn cao kể cả trong trường hợp dùng quá liều. Tuy nhiên thuốc có thể ngộ độc cấp tính ở chó, mèo mà biểu hiện lâm sàng của con vật là nôn mửa, tiêu chảy

không vững.

- Thuốc ít gây đau đớn cục bộ tổ chức nơi tiêm, hấp thu nhanh, có thể kết hợp với các kháng sinh khác để điều trị bệnh cho gia súc, đạt hiệu quả cao.

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi

- Điều trị các bệnh: viêm phổi, viêm phế quản, viêm tử cung, viêm vú, bệnh nhiễm trùng máu.

- Điều trị các bệnh truyền nhiễm:

- + Bệnh tụ huyết trùng;
- + Bệnh tiêu chảy;
- + Bệnh lao;
- + Bệnh sảy thai truyền nhiễm;
- + Bệnh sưng phù mắt ở heo con;
- + Bệnh suyễn heo;
- + Bệnh CRD ở gia cầm.

2.2. Đề phòng nhiễm trùng vết thương, vết mổ.

- Dùng bột Gentamycin đưa vào vết thương, vết mổ để đề phòng nhiễm trùng.
- Dùng Gentamycin tiêm bắp thịt cho con vật sau khi mổ, hoặc sau khi tổn thương để đề phòng nhiễm trùng.

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

- Trâu, bò, ngựa tiêm bắp cổ, mông.
- Heo: tiêm bắp cổ, mông, đùi.
- Gia cầm tiêm bắp lườn, gốc cánh, đùi.
- Chó, mèo tiêm bắp cổ, mông, đùi.
- Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của cơ sở sản xuất ghi trên bao bì thuốc.

3.2. Tiêm tĩnh mạch

- Trâu, bò, ngựa, dê, cừu tiêm tĩnh mạch cổ. Nên pha thuốc trong dung dịch đường glucoza 20% hoặc dung dịch mặn ngọt, nồng độ 10 % có bổ xung Cafein nhằm đề phòng choáng, ngất, ngừng tim đột ngột.

- Heo tiêm tĩnh mạch rìa tai, chó mèo tiêm tĩnh mạch đùi.
- Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của cơ sở sản xuất.

3.3. Thụt thuốc vào cơ quan bị bệnh trên cơ thể gia súc: Dùng Gentamycin pha với nước cất thụt vào tử cung, bầu vú gia súc, để điều trị bệnh viêm tử cung và viêm vú ở gia súc cái sinh sản.

4. Bảo quản

4.1. Xác định điều kiện bảo quản thuốc: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản thuốc

- Kiểm tra lọ đựng thuốc để phát hiện đập, vỡ, hờ nút ảnh hưởng tới thuốc.
- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.

- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh.

- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Gentamycin.

- Nguồn lực: Gentamycin và các chế phẩm của thuốc.

- Cách thức tổ chức: học viên quan sát, nhận biết tính chất, tác dụng của Gentamycin và các chế phẩm của thuốc.

- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Nhận biết được tên, tính chất và tác dụng của thuốc Gentamycin theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Bài tập 2. Nhận biết ứng dụng thuốc Gentamycin trong chăn nuôi .

- Nguồn lực: bảng câu hỏi về ứng dụng của thuốc Gentamycin

- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.

- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Trả lời đúng đáp án về nội dung ứng dụng của thuốc Gentamycin trong chăn nuôi.

Bài tập 3. Nhận biết sử dụng thuốc Gentamycin trong chăn nuôi.

- Nguồn lực: Bảng câu hỏi về sử dụng thuốc Gentamycin

- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.

- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Trả lời đúng đáp án về nội dung sử dụng thuốc Gentamycin trong chăn nuôi.

C. Ghi chú

- Nhận biết tính chất, ứng dụng và sử dụng Gentamycin.

- Thuốc quá hạn dùng, thuốc vón cục, chuyển màu không nên dùng.

Bài 7.

Sử dụng Ampicillin

Mã bài: MĐ 03-7

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Ampicillin dùng trong chăn nuôi.

- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Ampicillin trong chăn nuôi đúng kỹ thuật.

- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Ampicillin

1.1. Nhận biết chung

- Ampicillin là kháng sinh có tác dụng diệt khuẩn rộng, được dùng để điều trị bệnh: đóng dấu heo, uôn ván, bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, viêm mũ... Ampicillin được sản xuất và trình bày dưới 3 dạng:

- + Dạng bột đóng trong lọ thủy tinh, lượng 1 gam hoặc 2gam;
- + Dạng viên nhộng, được ép vì giấy bạc, nilon;
- + Dạng dịch tiêm đóng trong lọ, lượng 10 – 100ml.

1.2. Nhận biết tính chất

- Ampicillin là chất kết tinh dạng bột màu trắng, mịn, tơi, dễ hút ẩm khi ra ngoài không khí, dễ tan trong nước ở dạng muối, thuốc có tính axit.

- Ampicillin sau khi pha với nước cất thành dạng dịch tiêm nên sử dụng ngay trong ngày, không nên kéo dài thời gian sử dụng sẽ làm giảm hiệu lực điều trị của thuốc. Dấu hiệu nhận biết khi pha thuốc để lâu ở điều kiện phòng, thuốc sẽ chuyển màu.

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc



Hình 3.34. Ampicillin dạng viên nhộng, viên nén

- Thuốc có tác dụng diệt khuẩn rộng, tác dụng với hầu hết các loại vi khuẩn gây bệnh như: vi khuẩn viêm mũ, uôn ván, đóng dấu heo, nhiệt thán, viêm phổi, ruột, đường sinh dục, tiết niệu, viêm tử cung, buồng trứng, niệu đạo sinh dục và dịch hoàn.

- Thuốc an toàn cao, không gây độc đối với động vật kể cả trong trường hợp dùng liều gấp đôi so với liều điều trị. Thuốc có thể gây độc đối với loài gặm nhấm như thỏ, chuột, nếu dùng liều cao, trong thời gian dài.

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi

Ampicillin được dùng để điều trị các bệnh do vi khuẩn gây ra như: mụn nhọt, bọc mũ, nhiễm trùng mũ vết thương, viêm tử cung, buồng trứng, vú ở gia súc cái, viêm cơ, da, viêm đường hô hấp, đường tiêu hóa, niệu đạo – sinh dục, dịch hoàn, bàng quang, bệnh hà móng, thối móng ở trâu, bò sữa và các bệnh truyền nhiễm nhiệt thán, đóng dấu heo, uôn ván...



H.3.35. Ampicillin dạng bột đóng chai trong lọ, loại 2gam, 1gam, 500mg và 250mg

2.2. Đề phòng nhiễm trùng vết thương, vết mổ

- Dùng bột Ampicillin đưa vào vết thương, vết mổ trước khi băng, để đề phòng nhiễm trùng.

- Tiêm Ampicillin vào bắp thịt cho con vật sau khi mổ, hoặc sau khi bị tổn thương để đề phòng nhiễm trùng vết thương, vết mổ.

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

- Trâu, bò, ngựa tiêm bắp cổ, mông, liều lượng thuốc 7 mg/ 1kg thể trọng, ngày tiêm hai lần, cách nhau 6-8 giờ, tiêm liên tục trong 3 – 5 ngày.

- Heo tiêm bắp cổ, mông, đùi, liều 7 mg cho 1 kg thể trọng, tiêm ngày hai lần cách nhau 6 -8 giờ, tiêm liên tục trong 3-5 ngày.

- Gia cầm tiêm bắp lườn, gốc cánh, liều lượng 1 lọ (1triệu đơn vị) cho 6-8 con, trọng lượng 1,5 – 2 kg/con.

3.2. Tiêm tĩnh mạch

- Trâu, bò, ngựa tiêm tĩnh mạch cổ, liều 7mg/kg thể trọng, nên pha thuốc trong dung dịch đường glucoza 20% hoặc dung dịch mặn ngọt 10 % có bổ xung Cafein nhằm mục đích chống ngừng tim đột ngột.

- Dê, cừu tiêm tĩnh mạch cổ liều 4 - 7 mg/kg thể trọng.

3.3. Cho ăn, uống

- Đối với gia cầm nên trộn thuốc vào thức ăn cho vật nuôi ăn tự do để phòng bệnh. Liều lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.

- Ở dạng dung dịch pha vào nước cho gia súc gia cầm uống tự do. tỷ lệ pha theo chỉ dẫn của nhà sản xuất.

4. Bảo quản

4.1. Xác định điều kiện bảo quản thuốc: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản thuốc

- Kiểm tra lọ đựng thuốc, vi viên nén để phát hiện dập, vỡ, rách ảnh hưởng tới thuốc.

- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.

- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh,
- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Ampicillin.

- Nguồn lực: Ampicillin và các chế phẩm của thuốc.
- Cách thức tổ chức: học viên quan sát, nhận biết tính chất, tác dụng của Ampicillin và các chế phẩm của thuốc.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Nhận biết đúng tên, tính chất và tác dụng của thuốc Ampicillin theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Bài tập 2. Nhận biết ứng dụng thuốc Ampicillin trong chăn nuôi

- Nguồn lực: bảng câu hỏi về ứng dụng của thuốc Ampicillin
- Cách thức tổ chức: phát cho mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Trả lời đúng đáp án về nội dung ứng dụng của thuốc Ampicillin trong chăn nuôi.

Bài tập 3. Nhận biết sử dụng thuốc Ampicillin trong chăn nuôi

- Nguồn lực: Bảng câu hỏi về sử dụng thuốc Ampicillin
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Trả lời đúng đáp án về nội dung sử dụng thuốc Ampicillin trong chăn nuôi.

C. Ghi chú

- Nhận biết tính chất, ứng dụng và sử dụng Ampicillin.
- Thuốc quá hạn, vón cục, chuyển màu không nên dùng.

Bài 8.

Sử dụng Tylosin

Mã bài: MĐ 03-8

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Tylosin dùng trong chăn nuôi.
- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Tylosin trong chăn nuôi đúng kỹ thuật
- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Tylosin

1.1. Nhận biết chung

Tylosin là kháng sinh dùng để điều trị bệnh do vi khuẩn, Mycoplasma gây ra cho gia

súc, gia cầm như: bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, bệnh hồng lỵ ở heo. Đặc biệt thuốc đặc trị bệnh hen suyễn ở heo và bệnh CRD ở gia cầm. Tylosin được sản xuất và trình bày ở dạng bột đóng trong lọ nhựa, túi nilon dùng để bổ xung trong thức ăn cho vật nuôi. Dạng dịch tiêm đóng trong lọ, lượng 5, 10, 50 và 100ml.

1.2.Nhận biết tính chất

- Tylosin là chất kết tinh dạng bột màu trắng, mịn, toí, dễ hút ẩm khi ra ngoài không khí, dễ tan trong nước ở dạng muối, chịu được nhiệt độ 128 – 132⁰C. Thuốc được đóng trong lọ hoặc túi giấy bạc bột mịn, toí, màu trắng, không vón cục, không kết dính. Trường hợp hở nút, rạn nứt lọ hoặc quá hạn sử dụng thuốc vón cục, kết dính, ngả màu.

- Tylosin ở dạng dịch tiêm đóng trong chai 10 – 50ml, không màu, trong suốt, chịu nhiệt.



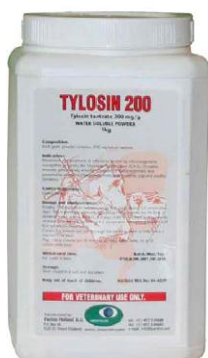
Hình 3.36. Tylosin dạng dịch tiêm 20%



Hình 3.37. Bột Tylosin



H.3.38. Tylosin dạng bột đóng trong túi nilon



H.3.39. Tylosin 200 dạng bột đóng trong lọ nhựa



H.3.40. Tylosin 200 dạng dịch tiêm



Hình 3.41. Dạng chế phẩm của tylosin

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc

- Tylosin là kháng sinh có tác dụng diệt khuẩn rộng. Thuốc có tác dụng với nhiều loại vi khuẩn gây bệnh, như vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa, đường hô hấp, đóng dấu heo, nhiệt thán... đặc biệt với bệnh hen suyễn ở heo và bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm gia cầm.

- Thuốc an toàn, ít gây độc đối với động vật kể cả trong trường hợp dùng quá liều. Tuy nhiên thuốc có thể gây ra trạng thái dị ứng, choáng, sốc khi đưa thuốc vào cơ thể gia súc hoặc có thể gây ra hiện tượng phù nhẹ đối với heo con theo mẹ.

3. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi: Điều trị các bệnh: viêm phổi, viêm đường hô hấp, viêm tử cung, viêm da, bệnh hồng lỵ ở heo, bệnh nhiệt thán, đóng dấu heo. Đặc biệt hiệu quả khi dùng tylosin để điều trị bệnh suyễn heo, bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm ở gia cầm, CRD, bệnh viêm teo mũi truyền nhiễm ở heo.

2.2. Phòng bệnh cho vật nuôi

- Dùng bột Tylosin bổ sung vào thức ăn cho gia súc, gia cầm ăn để phòng bệnh hen suyễn heo, bệnh CRD ở gia cầm.

- Pha Tylosin vào nước uống cho gia cầm uống tự do để phòng bệnh hen suyễn.

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

- Trâu, bò, ngựa tiêm bắp thịt cổ, mông, liều lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất, ghi trên nhãn thuốc.

- Heo tiêm bắp thịt cổ, mông, đùi, liều lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất, ghi trên nhãn thuốc.

- Gia cầm tiêm bắp lườn, bắp thịt gốc cánh, liều lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất, ghi trên nhãn thuốc.

3.2. Tiêm dưới da: Tiêm dưới da đầu gia cầm để điều trị bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm (bệnh CRD), liều theo chỉ dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì thuốc.

3.3. Cho ăn, uống

- Đối với gia cầm nên trộn thuốc vào thức ăn, nước uống cho vật nuôi ăn, uống tự do để phòng bệnh.

- Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của cơ sở sản xuất ghi trên bao bì.

4. Bảo quản

4.1. Xác định điều kiện bảo quản thuốc: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản thuốc

- Kiểm tra lọ đựng thuốc, vỉ viên nén để phát hiện dập, vỡ, rách ảnh hưởng tới thuốc.
- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.
- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh,
- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Tylosin.

- Nguồn lực: Tylosin và các chế phẩm của thuốc.
- Cách thức tổ chức: học viên quan sát, nhận biết tính chất, tác dụng của Tylosin và các chế phẩm của thuốc.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Nhận biết được tên, tính chất và tác dụng của thuốc Tylosin theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Bài tập 2. Nhận biết ứng dụng thuốc Tylosin trong chăn nuôi

- Nguồn lực: bảng câu hỏi về ứng dụng của thuốc Tylosin
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: trả lời đúng đáp án về nội dung ứng dụng của Tylosin trong chăn nuôi.

Bài tập 3. Nhận biết sử dụng và bảo quản Tylosin trong chăn nuôi

- Nguồn lực: Bảng câu hỏi về sử dụng Tylosin.
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Trả lời đúng đáp án về nội dung sử dụng và bảo quản Tylosin trong chăn nuôi.

C. Ghi chú

- Nhận biết tính chất, ứng dụng và sử dụng Tylosin.
- Thuốc vón cục, chuyển màu không được dùng.

Bài 9.

Sử dụng Enrofloxacin

Mã bài: MĐ 03-9

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Enrofloxacin dùng trong chăn nuôi.

- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Enrofloxacin trong chăn nuôi đúng kỹ thuật.

- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Enrofloxacin

1.1. Nhận biết chung

- Enrofloxacin là kháng sinh tổng hợp được dùng trong chăn nuôi để điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm. Thuốc có tác dụng diệt khuẩn rộng, ức chế sự sinh trưởng nhiều loại vi khuẩn gây bệnh như: vi khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, viêm hóa mủ, tụ huyết trùng, sung phù đầu ở heo con. Đặc biệt thuốc có tác dụng mạnh với bệnh hen suyễn ở heo và gia cầm.

- Thuốc được sản xuất và trình bày dưới dạng bột và dịch tiêm.

1.2. Nhận biết tính chất

- Enrofloxacin là chất dạng bột màu trắng hay hơi vàng, mịn, toi, dễ hút ẩm khi ra ngoài không khí, tan chậm trong nước, còn, tan nhanh trong dấm ăn, thuốc bị phân hủy ở nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời. Thuốc được đóng trong lọ thủy tinh, bột mịn, toi, màu trắng hoặc hơi vàng, không vón cục, không kết dính. Trường hợp hờ nút, nút lọ hoặc quá hạn sử dụng thuốc vón cục, kết dính, ngả màu.

- Ở dạng dịch tiêm thuốc được đóng trong chai 10, 50ml, không màu, trong suốt. Nếu quá hạn hoặc nút chai, lọ dựng, dung dịch chuyển màu không sử dụng được

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc

- Enrofloxacin là kháng sinh có tác dụng diệt khuẩn rộng. Thuốc ức chế sự sinh trưởng của nhiều loại vi khuẩn gây bệnh, như: vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, đóng dấu heo, nhiệt thán, tụ huyết trùng đặc biệt với vi khuẩn gây bệnh hen suyễn ở heo và gia cầm.

- Thuốc an toàn đối với động vật kể cả trong trường hợp dùng liều quá cao so với liều điều trị. Enrofloxacin ức chế sự phát triển của các mô sụn vì vậy không nên dùng thuốc lâu dài với gia súc non và gia súc cái mang thai.

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi

Điều trị các bệnh: tiêu chảy, viêm ruột, viêm dạ dày, thương hàn, sung phù mắt ở heo con, viêm phổi, viêm đường hô hấp, viêm tử cung, viêm niệu đạo sinh dục, viêm da, nhiệt thán, đóng dấu heo, viêm hóa mủ, hồng ly, suyễn, viêm teo mũi truyền nhiễm ở heo, viêm thanh khí quản truyền nhiễm ở gia cầm



H.3.42. Enrofloxacin dạng bột và viên nén

2.2. Phòng bệnh cho vật nuôi

Dùng Enrofloxacin bổ sung vào thức ăn, nước uống gia cầm ăn, uống tự do để phòng bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm.



Hình 3.43. Enrofloxacin dạng dịch tiêm



Hình 3.44. Bột Enrofloxacin

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

- Trâu, bò, ngựa tiêm bắp thịt cổ, mông.
- Heo tiêm bắp thịt cổ, mông, đùi.
- Gia cầm tiêm bắp ức, gốc cánh, đùi.

Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của cơ sở sản xuất, được ghi trên bao bì thuốc.

3.2. Tiêm tĩnh mạch

- Trâu, bò, ngựa, dê, cừu tiêm tĩnh mạch cổ liều lượng theo chỉ dẫn của cơ sở sản xuất. Nên pha thuốc trong dung dịch đường glucoza 20% hoặc dung dịch mặn ngọt 10 % có bổ xung Cafein để tiêm tĩnh mạch cho con vật nhằm mục đích chống ngừng tim đột ngột.

- Heo tiêm tĩnh mạch rìa tai, chó mèo tiêm tĩnh mạch đùi.

3.3. Cho ăn, uống

Đối với gia cầm nên trộn thuốc vào thức ăn, nước cho vật nuôi ăn, uống tự do để phòng bệnh CRD. Liều lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất, được ghi trên bao bì thuốc.

4. Bảo quản

4.1. Xác định điều kiện bảo quản thuốc: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản thuốc

- Kiểm tra lọ đựng thuốc, vỉ viên nén để phát hiện dập, vỡ, rách ảnh hưởng tới thuốc.
- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.

- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh,
- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót.

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Enrofloxacin.

- Nguồn lực: Enrofloxacin và các chế phẩm của thuốc.
- Cách thức tổ chức: học viên quan sát, nhận biết tính chất, tác dụng của Enrofloxacin và các chế phẩm của thuốc.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Xác định đúng tên, tính chất và tác dụng của thuốc Enrofloxacin theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Bài tập 2. Nhận biết ứng dụng thuốc Enrofloxacin trong chăn nuôi .

- Nguồn lực: bảng câu hỏi về ứng dụng của thuốc Enrofloxacin
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: trả lời đúng đáp án về nội dung ứng dụng của Enrofloxacin trong chăn nuôi.

Bài tập 3. Nhận biết sử dụng và bảo quản Enrofloxacin trong chăn nuôi

- Nguồn lực: Bảng câu hỏi về sử dụng Enrofloxacin
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Trả lời đúng đáp án về nội dung sử dụng Enrofloxacin trong chăn nuôi.

C. Ghi chú

- Nhận biết tính chất, ứng dụng và sử dụng Enrofloxacin.
- Thuốc quá hạn dùng hoặc vón cục, chuyển màu không được dùng.
- Không nên dùng thuốc lâu dài đối với gia súc non và gia súc cái mang thai.

Bài 10.

Sử dụng Tetracilin

Mã bài: MĐ 03-10

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Tetracyclin dùng trong chăn nuôi.
- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Tetracyclin trong chăn nuôi đúng kỹ thuật
- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Tetracyclin

1.1. Nhận biết chung

Tetracyclin là kháng sinh tổng hợp được dùng để điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm. Thuốc có tác dụng diệt khuẩn rộng với nhiều vi khuẩn gây bệnh trên cơ thể vật nuôi. Tetracyclin được sản xuất và trình bày dưới dạng bột, dịch tiêm, mỡ bôi, tra mắt gia súc và dạng viên nén.

1.2. Nhận biết tính chất

- Tetracyclin là chất kết tinh dạng bột màu vàng nhạt hay vàng nâu, mịn, toí, mùi nồng, vị đắng, ít tan trong nước, ở dạng muối dễ tan trong nước, bị phân hủy ở nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời.

- Tetracyclin đóng trong lọ, ở dạng bột mịn, toí, màu vàng nhạt hoặc màu vàng nâu, mùi nồng, vị đắng, không vón cục, không kết dính. Trường hợp hờ nút, nứt lọ hoặc quá hạn sử dụng, thuốc vón cục, hút âm, ngả màu vàng nâu đậm sẽ không sử dụng được



H.3.45. Tetracyclin dạng bột



H.3.46. Tetracyclin dạng viên nhộng

- Tetracyclin ở dạng dịch tiêm đóng trong lọ thủy tinh màu, lượng 10 ml, 50ml, trong suốt, màu vàng nhạt hoặc vàng nâu. Thuốc chuyển màu vàng nâu đậm sẽ không sử dụng được.

- Tetracyclin ở dạng viên nén 250 mg màu vàng nhạt hoặc vàng nâu, mùi nồng, vị đắng.

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc



H.3.47. Bột Tetracyclin



H.3.48. Tetracyclin dạng mỡ bôi mắt



H.3.49. Tetracyclin dạng dịch tiêm



H.3.50. Tetracyclin dạng viên nén



- Tetracyclin là kháng sinh có tác dụng diệt khuẩn rộng. Thuốc có tác dụng ức chế sự sinh trưởng của nhiều loại vi khuẩn gây bệnh, như: vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, sinh dục đặc biệt hiệu quả với bệnh hen suyễn ở heo và gà, bệnh sảy thai truyền nhiễm, bệnh nghệt, viêm tử cung, buồng trứng, thối ấu trùng ong, bệnh ký sinh trùng máu.

- Thuốc an toàn đối với động vật kể cả trong trường hợp dùng quá liều so với liều điều trị. Thuốc gây độc đối với hệ xương của gia súc, nhất là gia súc non. Vì vậy không nên dùng thuốc lâu dài để điều trị bệnh cho gia súc non và gia súc cái mang thai.

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi: Điều trị các bệnh do vi khuẩn gây ra như: bệnh tiêu chảy, viêm ruột, viêm dạ dày, bệnh thương hàn, bệnh sung phù mắt ở heo con, bệnh viêm phổi, viêm đường hô hấp, viêm tử cung, viêm niệu đạo sinh dục, viêm da, bệnh tụ huyết trùng, viêm hóa mủ, viêm kết mạc mắt, bệnh ký sinh trùng máu ở đại gia súc.... Đặc biệt hiệu quả với bệnh suyễn, viêm teo mũi truyền nhiễm ở heo, bệnh viêm thanh khí quản truyền nhiễm ở gia cầm.

2.2. Phòng bệnh cho vật nuôi

- Bệnh hen suyễn heo, bệnh CRD và bệnh tụ huyết trùng ở gia cầm.
- Phòng nhiễm trùng vết thương, vết mổ trên cơ thể gia súc.

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

- Trâu, bò, ngựa tiêm bắp thịt cổ, hông.
- Heo tiêm bắp thịt cổ, hông, đùi.
- Gia cầm tiêm bắp thịt ức (lườn), cánh, đùi.
- Liều lượng thuốc theo chỉ dẫn của nhà sản xuất được ghi ở bao bì thuốc.

3.2. Cho ăn, uống

- Đối với gia cầm nên trộn thuốc vào thức ăn cho vật nuôi ăn tự do để phòng bệnh, liều lượng theo chỉ dẫn của nhà sản xuất được ghi ở nhãn thuốc.
- Đối với viên nén cho con vật uống trực tiếp để phòng, trị bệnh.

4. Bảo quản

4.1. Xác định điều kiện bảo quản thuốc: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản thuốc

- Kiểm tra lọ đựng thuốc, vỉ viên nén để phát hiện dập, vỡ, rách ảnh hưởng tới thuốc.
- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.
- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh,
- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Tetracyclin.

- Nguồn lực: Tetracyclin và các chế phẩm của thuốc.
- Cách thức tổ chức: học viên quan sát, nhận biết tính chất, tác dụng của Tetracyclin và các chế phẩm của thuốc.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: học viên điền đúng tên, tính chất và tác dụng của thuốc Tetracyclin và các chế phẩm của thuốc.

Bài tập 2. Thực hành sử dụng thuốc Tetracyclin phòng bệnh cho gà

- Nguồn lực: Trại nuôi gà, thuốc Tetracyclin, dụng cụ thú y, dụng cụ chăn nuôi, bảo hộ lao động.
- Cách thức tổ chức: chia lớp thành các nhóm nhỏ 3-5 học sinh, mỗi nhóm thực hiện việc dùng thuốc Tetracyclin trộn vào thức ăn cho đàn gia cầm ăn tự do.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Thực hiện việc dùng Tetracyclin để phòng bệnh cho gà đúng kỹ thuật.

Bài tập 3. Nhận biết ứng dụng của Tetracyclin trong chăn nuôi

- Nguồn lực: Bảng câu hỏi về ứng dụng Tetracyclin trong chăn nuôi
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Trả lời đúng đáp án về nội dung ứng dụng Tetracyclin trong chăn nuôi.

C. Ghi chú

- Nhận biết tính chất, ứng dụng và sử dụng Tetracyclin.
- Thuốc quá hạn hoặc chuyển màu không được dùng.
- Không nên dùng Tetracyclin lâu dài đối với gia súc non và gia súc cái mang thai

Bài 11.

Sử dụng Oxytetracilin

Mã bài: MĐ 03-11

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Oxytetracyclin dùng trong chăn nuôi.
- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản Oxytetracyclin trong chăn nuôi đúng kỹ thuật.

- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Oxytetracyclin

1.1. Nhận biết chung



Hình 3.51. Bột Oxytetracyclin

Oxytetracyclin là dẫn xuất của Tetracyclin được dùng trong chăn nuôi để phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm. Thuốc có tác dụng diệt khuẩn rộng, nên được sử dụng để điều trị nhiều bệnh do vi khuẩn gây ra ở đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, đường máu gia súc, gia cầm. thuốc được sản xuất và trình bày ở dạng bột, dịch tiêm, mỡ bôi hoặc tra mắt gia súc và viên nén.

1.2. Nhận biết tính chất



H.3.52. Oxytetracyclin dịch tiêm

- Oxytetracyclin ở dạng dịch tiêm trong suốt, màu vàng nhạt, không chịu nhiệt và ánh nắng mặt trời. Nếu quá hạn, hở hoặc nứt chai, lọ đựng, dung dịch chuyển màu vàng nâu đậm sẽ không sử dụng được.

- Oxytetracyclin ở dạng viên nén 250 mg màu vàng nhạt, mùi nồng, vị đắng.



H.3.53. Oxytetracyclin dạng viên nén và nhộng



H.3.54. Oxytetracyclin dạng mỡ bôi ngoài da

- Oxytetracyclin là chất kết tinh dạng bột màu vàng nhạt, mịn, tối, mùi nồng, vị đắng, ít tan trong nước, dễ bị phân hủy ở nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời. Thuốc được đóng trong lọ, ở dạng bột mịn, tối, màu vàng nhạt, không vón cục, không kết dính. Trong trường hợp

hở, rạn nứt lọ hoặc quá hạn sử dụng thuốc vón cục, ngả màu vàng nâu đậm sẽ không sử dụng được.

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc

- Oxytetracyclin là kháng sinh có tác dụng diệt khuẩn rộng. Thuốc ức chế sự sinh trưởng nhiều loại vi khuẩn gây bệnh ở đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, sinh dục, đặc biệt thuốc đặc trị bệnh hen suyễn ở heo và gà, bệnh sảy thai truyền nhiễm, bệnh nghê, viêm tử cung, buồng trứng, tụ huyết trùng, bệnh sưng phù đầu ở heo con, bệnh thối ấu trùng ong, bệnh ký sinh trùng máu... .

- Thuốc an toàn đối với động vật kể cả trong trường hợp dùng quá liều. Thuốc gây độc đối với xương của gia súc nhất là gia súc non, vì vậy không nên dùng thuốc lâu dài để điều trị bệnh cho gia súc non và gia súc cái mang thai.

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi: Điều trị các bệnh: tiêu chảy, viêm ruột, viêm dạ dày, bệnh thương hàn, sưng phù mắt ở heo con, viêm phổi, viêm đường hô hấp, viêm tử cung, viêm niệu đạo sinh dục, viêm da, bệnh tụ huyết trùng, viêm hóa mủ, viêm kết mạc mắt, ký sinh trùng máu ở đại gia súc.... Đặc biệt hiệu quả đối với bệnh suyễn heo, viêm thanh khí quản truyền nhiễm ở gia cầm, CRD, bệnh viêm teo mũi truyền nhiễm ở heo.

2.2. Phòng bệnh cho vật nuôi

- Phòng bệnh CRD và bệnh tụ huyết trùng ở gia cầm.
- Phòng nhiễm trùng vết thương, vết mổ trên cơ thể gia súc.

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

- Trâu, bò, ngựa tiêm bắp cổ, mông.
- Heo tiêm bắp cổ, mông, đùi,liều.
- Gia cầm tiêm bắp lườn, gốc cánh, đùi
- Liều lượng theo chỉ dẫn của cơ sở sản xuất được ghi trên bao bì thuốc.

3.2. Cho ăn, uống: Trộn thuốc vào thức ăn, nước uống cho gia cầm ăn, uống tự do để phòng bệnh, liều lượng theo chỉ dẫn của cơ sở sản xuất được ghi trên nhãn thuốc.

3.3. Bôi lên vết loét, vết thương và kết mạc mắt

Dùng mỡ Oxytetracyclin 1% bôi lên vết loét trên da, niêm mạc, vết thương hoặc kết mạc để điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm.

4. Bảo quản

4.1. Xác định điều kiện bảo quản thuốc: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản thuốc

- Kiểm tra lọ đựng thuốc để phát hiện dập, vỡ, hở ảnh hưởng tới thuốc. - Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.
- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh,
- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Oxytetracyclin.

- Nguồn lực: Oxytetracyclin và các chế phẩm của thuốc.
- Cách thức tổ chức: học viên quan sát, nhận biết tính chất, tác dụng của Oxytetracyclin và các chế phẩm của thuốc.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Nhận biết được tên, tính chất và tác dụng của thuốc Oxytetracyclin và các chế phẩm của thuốc theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Bài tập 2. Nhận biết ứng dụng thuốc Oxytetracyclin trong chăn nuôi

- Nguồn lực: bảng câu hỏi về ứng dụng của thuốc Oxytetracyclin
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: trả lời đúng đáp án về nội dung ứng dụng của Oxytetracyclin trong chăn nuôi.

Bài tập 3. Nhận biết sử dụng và bảo quản Oxytetracyclin trong chăn nuôi

- Nguồn lực: Bảng câu hỏi về sử dụng Oxytetracyclin.
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Trả lời đúng đáp án về nội dung sử dụng Oxytetracyclin trong chăn nuôi.

C. Ghi chú

- Nhận biết tính chất, ứng dụng và sử dụng Oxytetracyclin.
- Thuốc quá hạn hoặc vón cục, chuyển màu không được dùng.
- Không nên dùng Oxytetracyclin lâu dài đối với gia súc non và gia súc cái mang thai

Bài 12.

Sử dụng Thiamphenicol

Mã bài: MĐ 03-12

Thời gian: 3 giờ

Mục tiêu

Học xong bài học này người học có khả năng:

- Trình bày được nội dung về sử dụng Thiamphenicol dùng trong chăn nuôi.
- Thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng, sử dụng và bảo quản
- Thiamphenicol trong chăn nuôi đúng kỹ thuật
- Nghiêm túc, trách nhiệm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho cộng đồng.

A. Nội dung

1. Nhận dạng Thiamphenicol

1.1. Nhận biết chung

- Thiamphenicol là kháng sinh ít độc tính thuộc nhóm Chloramphenicol được phép dùng trong chăn nuôi để điều trị bệnh cho gia súc, gia cầm. Thuốc có tác dụng diệt khuẩn rộng, ức chế sự sinh trưởng nhiều loại vi khuẩn gây bệnh như: vi khuẩn gây bệnh đường hô

hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục đặc biệt hiệu quả với bệnh ở đường tiêu hóa, bệnh nghệt, bệnh sung phù đầu ở heo...

- Thiamphenicol được sản xuất và trình bày dưới dạng bột, dịch tiêm và viên nén hoặc viên nhộng

1.2. Nhận biết tính chất

- Thiamphenicol là chất kết tinh dạng bột màu trắng, mịn, tươi, vị đắng, ít tan trong nước, bền vững, chịu được nhiệt độ cao và ánh sáng mặt trời. Không bị phá hủy ở nhiệt độ cao.



Hình 3.55. Bột Thiamphenicol

- Thuốc được đóng trong lọ, ở dạng bột mịn, tươi, màu trắng, không vón cục, không kết dính. Trong trường hợp hở nút, nút lọ hoặc quá hạn sử dụng thuốc vón cục, hút ẩm, ngả màu sẽ không sử dụng được

- Dạng dịch tiêm trong suốt, không màu, chịu được nhiệt và ánh nắng mặt trời.

- Thuốc vẫn đục, chuyển màu không sử dụng được.

- Thiamphenicol ở dạng viên nén 250 mg, không mùi, vị đắng.

1.3. Nhận biết tác dụng của thuốc

- Thiamphenicol là kháng sinh có tác dụng diệt khuẩn rộng. Thuốc ức chế sự sinh trưởng của nhiều loại vi khuẩn gây bệnh ở đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, sinh dục gia súc, đặc biệt hiệu quả với bệnh tiêu chảy, thương hàn, phó thương hàn, sung phù đầu ở heo con, sảy thai truyền nhiễm, bệnh nghệt, viêm tử cung, buồng trứng, tụ huyết trùng, viêm hóa mủ, bệnh cầu trùng...

- Thuốc an toàn đối với động vật kể cả trong trường hợp dùng quá liều. Tuy nhiên thuốc có thể gây dị ứng cho cơ thể gia súc mà biểu hiện chung là: nổi ban đỏ trên da, tăng tiết niêm dịch hay xuất huyết niêm mạc. lưỡi sưng, mặt trên niêm mạc bị đen, nếu dùng liều cao trong thời gian dài sẽ gây độc đối với hệ xương của gia súc, gây suy tủy vì vậy không nên dùng thuốc lâu dài với gia súc non và gia súc cái mang thai.

2. Ứng dụng

2.1. Điều trị bệnh cho vật nuôi

Điều trị các bệnh do vi khuẩn gây ra như: tiêu chảy, viêm ruột, viêm dạ dày, thương hàn, phó thương hàn, bệnh sung phù đầu ở heo con, viêm tử cung, viêm niệu đạo sinh dục, viêm da, bệnh tụ huyết trùng, viêm hóa mủ, viêm kết mạc mắt, bệnh nghệt ở gia súc, bệnh sảy thai truyền nhiễm.... Đặc biệt hiệu quả khi dùng Thiamphenicol để điều trị bệnh đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm.



H.3.56. Thiamphenicol dạng dịch tiêm



H.3.57. Thiamphenicol dạng dịch uống



H.3.58. Chế phẩm dạng viên nén Thiamphenicol



H.3.59. Thiamphenicol dạng viên nén

2.2. Phòng bệnh cho vật nuôi

- Phòng bệnh tiêu chảy cho gia súc, gia cầm non.
- Phòng bệnh viêm kết mạc cho gia súc cày, kéo.

3. Sử dụng

3.1. Tiêm bắp thịt

- Trâu, bò, ngựa tiêm bắp thịt cổ, mông.
- Heo tiêm bắp thịt cổ, mông, đùi.
- Gia cầm tiêm bắp thịt lườn, cánh, đùi.
- Liều lượng theo chỉ dẫn của cơ sở sản xuất được ghi trên bao bì thuốc, hoặc thú y sỹ.

3.2. Cho ăn, uống

- Đối với gia cầm nên trộn thuốc vào thức ăn hoặc nước uống cho vật nuôi ăn hoặc uống tự do để phòng bệnh đường ruột.

- Đối với viên nén hoặc viên nhộng cho gia súc uống trực tiếp.
- Liều lượng theo chỉ dẫn của cơ sở sản xuất ghi trên bao bì thuốc.

3.3. Nhỏ mắt: Dùng Thiamphenicol 0,1% nhỏ vào mắt cho gia súc để điều trị bệnh viêm kết mạc mắt gia súc.

4. Bảo quản.

4.1. Xác định điều kiện bảo quản thuốc: Nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, tránh nguồn nhiệt, nơi ẩm ướt và hóa chất độc hại.

4.2. Thực hiện việc bảo quản thuốc

- Kiểm tra lọ đựng thuốc, vỉ viên nén để phát hiện dập, vỡ, rách ảnh hưởng tới thuốc.
- Kiểm tra nhãn mác, hạn dùng, tính chất, màu sắc của thuốc để xác định tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi bảo quản.
- Thao tác nhẹ nhàng xếp thuốc vào các tủ thuốc, tránh đổ vỡ, tránh va chạm mạnh,

- Kiểm tra thường xuyên để phát hiện và xử lý sai sót

B. Bài tập và sản phẩm thực hành của học viên

Bài tập 1. Nhận dạng thuốc Thiamphenicol.

- Nguồn lực: Thiamphenicol và các chế phẩm của thuốc.
- Cách thức tổ chức: học viên quan sát, nhận biết tính chất, tác dụng của Thiamphenicol và các chế phẩm của thuốc.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Nhận biết đúng tên, tính chất và tác dụng của thuốc Thiamphenicol và các chế phẩm của thuốc theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Bài tập 2. Nhận biết ứng dụng thuốc Thiamphenicol trong chăn nuôi .

- Nguồn lực: bảng câu hỏi về ứng dụng của thuốc Thiamphenicol
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: trả lời đúng đáp án về nội dung ứng dụng của Thiamphenicol trong chăn nuôi.

Bài tập 3. Nhận biết sử dụng và bảo quản Thiamphenicol trong chăn nuôi .

- Nguồn lực: Bảng câu hỏi về sử dụng Thiamphenicol
- Cách thức tổ chức: mỗi học viên một bảng câu hỏi.
- Kết quả và sản phẩm cần đạt được: Trả lời đúng đáp án về nội dung sử dụng Thiamphenicol trong chăn nuôi.

C. Ghi chú

- Nhận biết tính chất, ứng dụng và sử dụng Thiamphenicol.
- Thuốc quá hạn hoặc vón cục, chuyển màu không được dùng.
- Không nên dùng Thiamphenicol lâu dài đối với gia súc non và gia súc cái mang thai

Hướng dẫn thực hiện bài thực hành

1. Nguồn lực cần thiết

- Mô hình, tranh, ảnh về nhận dạng, ứng dụng và sử dụng thuốc kháng sinh thông thường dùng trong chăn nuôi.
- Bảng video về nhận dạng, ứng dụng và sử dụng thuốc kháng sinh thông thường dùng trong chăn nuôi.
- Dụng cụ thú y, dụng cụ chăn nuôi, thuốc, hóa chất và động vật thí nghiệm.
- Thiết bị dụng cụ dạy học: máy chiếu Overhead, máy ảnh kỹ thuật số, máy tính xách tay, Projecter...
- Bảo hộ lao động: ủng , găng tay cao su, quần áo bảo hộ, khẩu trang, mũ, kính bảo hộ
- Cơ sở chăn nuôi nông hộ, cơ sở dịch vụ thuốc thú y.
- Trại chăn nuôi tập trung và phòng thí nghiệm.

2. Cách tổ chức

- Hướng dẫn thường xuyên: chia lớp thành những nhóm nhỏ từ 3-5 người, mỗi nhóm được thực hiện những nội dung trong bài thực hành. Giáo viên theo dõi và sửa lỗi trong quá trình thực hiện của học viên

- Hướng dẫn kết thúc: Giáo viên kiểm tra kết quả thực hiện của nhóm hoặc cá nhân học viên theo mục tiêu của bài.

3. Tiêu chuẩn sản phẩm

- Học viên thực hiện được việc nhận dạng, ứng dụng thuốc kháng sinh thông thường dùng trong chăn nuôi

- Sử dụng được thuốc kháng sinh thông thường dùng trong chăn nuôi đúng kỹ thuật

- Xác định được điều kiện bảo quản và thực hiện bảo quản thuốc kháng sinh thông thường dùng trong chăn nuôi theo yêu cầu kỹ thuật.

Yêu cầu về đánh giá kết quả học tập

Các bài học có bố cục giống nhau.

| Tiêu chí đánh giá | Cách thức đánh giá |
|---|---------------------------------|
| Nhận dạng đúng tên, tính chất, tác dụng của các loại thuốc kháng sinh | Trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành |
| Xác định đúng ứng dụng của các loại thuốc kháng sinh dùng trong chăn nuôi | |
| Sử dụng được các loại thuốc kháng sinh trong chăn nuôi đúng kỹ thuật | |
| Xác định được điều kiện và bảo quản các loại thuốc kháng sinh theo yêu cầu kỹ thuật | |

Tài liệu tham khảo

- Giáo trình Mô đun 03. Xác định thuốc Kháng sinh thông thường; Giáo trình đào tạo Nghề Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi; Trình độ đào tạo sơ cấp. Theo Quyết định số 1549/QĐ-BNN-TCCB ngày 18/10/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 về việc Ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành, cấm sử dụng ở Việt Nam, công bố HS đối với thuốc thú y nhập khẩu được phép lưu hành tại Việt Nam.